Hướng dẫn kiểm tra các vấn đề môi trường và xã hội khi xem xét cấp tín dụng cho các dự án/phương án SXKD trong ngành nhuộm vải

***Giới thiệu***

Hướng dẫn này được xây dựng nhằm cung cấp cho cán bộ thẩm định tín dụng một công cụ để đánh giá các rủi ro tiềm ẩn về môi trường và xã hội đối với các khoản đầu tư vào ngành nhuộm vải. Những hướng dẫn này dựa trên các quy định pháp luật, và các tiêu chuẩn/ quy chuẩn hiện hành của Việt Nam (Phụ lục 1). Ngoài ra, cán bộ thẩm định tín dụng có thể sử dụng Hướng dẫn về môi trường, sức khỏe và an toàn (EHS) của Nhóm Ngân hàng thế giới làm các tài liệu tham khảo kỹ thuật với các ví dụ chung và của các ngành công nghiệp đặc thù về thực hành công nghiệp quốc tế tốt (Phụ lục 2). Các cán bộ tín dụng cũng nên tham khảo thêm ý kiến của chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm để hiểu rõ hơn các biện pháp ngăn ngừa đang được khách hàng sử dụng có phù hợp với ngành và tiêu chuẩn chung hay không và khả năng và mức độ áp dụng các khuyến nghị kỹ thuật trong các tài liệu nếu cần thiết.

***Tổng quan về ngành***

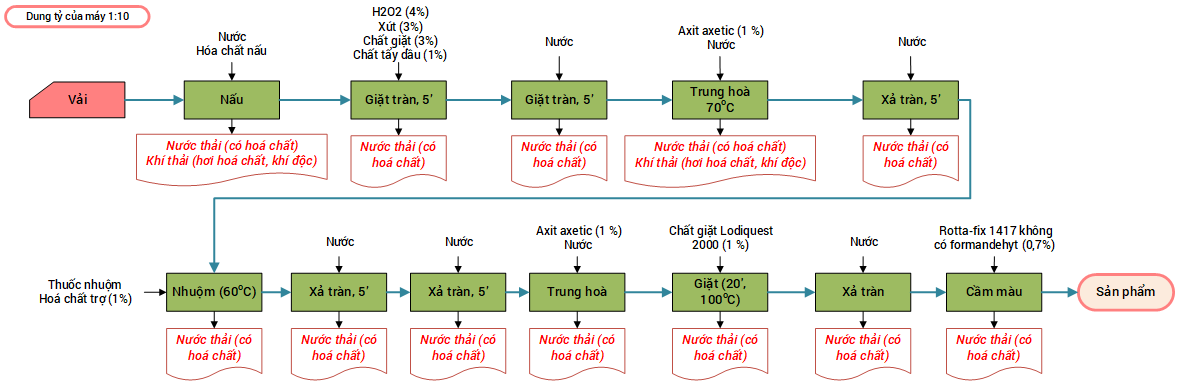
Nhuộm màu vải có thể được thực hiện ngay trong các nhà máy dệt hoặc các xưởng chuyên nhuộm. Nhuộm là quá trình gia công nhằm tạo màu cho xơ, sợi hay vải sao cho màu vải đều, sâu và bền. Quá trình nhuộm là quá trình kỹ thuật được hình thành bởi các yếu tố:vật liệu nhuộm, thuốc nhuộm, các chất phụ trợ, áp suất, dung tỷ nhuộm, thiết bị và phương pháp tiến hành nhuộm. Mỗi loại vật liệu, sản phẩm sẽ có một quy trình và công thức nhuộm riêng tối ưu cho loại vật liệu, sản phẩm đó.

Tuỳ theo yêu cầu về màu sắc, dạng và tính chất vật liệu, và điều kiện cụ thể mà có thể áp dụng các thiết bị nhuộm khác nhau thuộc 2 nhóm: thiết bị nhuộm gián đoạn / theo mẻ và thiết bị nhuộm liên tục.

Trong việcnhuộm theo mẻ, một lượng vải đượcchovào trong máy nhuộm và tiếp xúc với nước màu. Hóa chất bổ trợ và các thông số điều kiện của dung dịch nhuộm được sử dụng để tăng tốc độ nhuộm màu. Chất màu được cố định bằng cách gia nhiệt hoặc sử dụng các hóa chất cố định màu, và sau đó giặt rũcác chất màu và hóa chất thừa ra khỏi sợi/vải. Dung tỷ (tỷ số trọng lượng giữa tổng vật liệu khô và nước màu) của thiết bị được sử dụng là một thông số quan trọng trong quá trình nhuộm theo mẻ. Tỷ số này trong khoảng từ 3:1 (cần ít nước cho mỗi đơn vị trọng lượng nguyên liệu dệt) đến hơn 50:1 (đặc trưng cho chất màu có ái lực thấp và hiệu suất nhuộm thấp hoặc cần gia công nhuộm lâuhơn). Máy nhuộm guồng (winche) và máy nhuộm con sợi (hank machine) sử dụng tỷ lệ cao hơn loại nhuộm phun (jet), nhuộm cả cuộn (package dyeing) và kỹ thuật nhuộm cuộn ủ lạnh (pad batch).

Trong quá trình nhuộm liên tục, vải được đưa vào trong máy nhuộm có bể chất màu, cố định màu bằng sấy nóng hoặc sử dụng hóa chất và được giặt liên tục với tốc độ từ 50-250 m/phút

***Hình 1: Sơ đồ mô tả ví dụ về quy trình nhuộm vải***



Đánh giá tác động môi trường của những dự án này này cần đặc biệt quan tâm đến hoạt động xử lý nước thải, đặc biệt việc xử lý phải đạt chuẩn trước khi đưa ra môi trường.

Một số vấn đề quan trọng được dư luận đặc biệt quan tâm và có thể dẫn đến các rủi ro về uy tín hoặc tín dụng đối với các khoản vay hoặc đầu tư, bao gồm:

* Không tuân thủ các giấy phép và quy định về môi trường
* Ô nhiễm nguồn nước do các hoạt động sản xuất bao gồm cả nguyên nhân từ các sự kiện ngẫu nhiên;
* Rủi ro về sức khoẻ do ô nhiễm phát sinh từ các hoạt động sản xuất;
* Quyền con người và an toàn lao động của người lao động/ cộng đồng bị ảnh hưởng - điều kiện làm việc và tiêu chuẩn lao động nghèo nàn.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| PHẦN A – THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP VÀ DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG | | | | | | | |
| A0.THÔNG TIN LIÊN LẠC | | | | | | | |
| Doanh nghiệp đề nghị cấp tín dụng | Tên doanh nghiệp | | | Mã số doanh nghiệp: | | | |
| Thành viên HĐQT/Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về các vấn dề MT&XH: |  | T-Ext.: | | Fax.: | | e-mail: | |
| Cán bộ phụ trách MT&XH: |  | T-Ext.: | | Fax.: | | e-mail: | |
| A1. TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI | | | | | | | |
| A1.1 **Dự án** đề nghị cấp tín dụng đã có những **giấy phép** nào sau đây?  ***Nếu có,*** *cán bộ tín dụng yêu cầu một bản copy các giấy tờ này*  *Trong trường hợp không đầy đủ, cán bộ tín dụng cần tìm hiểu lý do không có các giấy tờ này* | **Giai đoạn cấp phép**  Báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có quẩm quyền thẩm định và phê duyệt[[1]](#footnote-3)  Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận  Giấy phép xả thải còn hiệu lực[[2]](#footnote-4),[[3]](#footnote-5)*(đối với các dự án không nằm trong KCN, hoặc nằm trong KCN không có sẵn hệ thống xử lý nước thải trung tâm)*  Hợp đồng đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước *(đối với các dự án nằm trong KCN có sẵn hệ thống xử lý nước thải)*  Văn bản thẩm duyệt thiết kế PCCC[[4]](#footnote-6)  Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại[[5]](#footnote-7)  **Giai đoạn thử nghiệm, vận hành**  Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT[[6]](#footnote-8)  Xác nhận hệ thống quản lý môi trường[[7]](#footnote-9)  Phương án chữa cháy, thoát nạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt[[8]](#footnote-10)  Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu PCCC10  Văn bản thông báo cam kết với cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy về việc đảm bảo các các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy10  Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của doanh nghiệp[[9]](#footnote-11) | | | | | | |
| **A1.2 Doanh nghiệp đề nghị cấp tín dụng** đã có những Chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn **còn hiệu lực**, và do **tổ chức chứng nhận được công nhận[[10]](#footnote-12)**nào sau đây[[11]](#footnote-13), và phạm vi áp dụng của các chứng chỉ/ chứng nhận này (Áp dụng chung cho DN/ Áp dụng cho dây chuyền sản xuất/ dự án khác/ Chỉ áp dụng cho dự án đề nghị cấp tín dụng) | Hệ thống quản lý môi trường TCVN ISO 14001[[12]](#footnote-14)  Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn - ISO 9001[[13]](#footnote-15)  Hệ thống quản lý năng lượng - ISO 50001[[14]](#footnote-16)  Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe nghề nghiệp - OHSAS 18001[[15]](#footnote-17)  Hệ thống trách nhiệm giải trình xã hội - SA 8000[[16]](#footnote-18)  Trách nhiệm toàn cầu về sản phẩm may mặc – WRAP[[17]](#footnote-19)  Chứng nhận của tổ chức Better Work Việt Nam  Khác, ghi rõ | | | | | | |
| A1.3 Doanh nghiệp đã từng được ***giải thưởng, bằng khen*** gì về bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội nào? | Không  Có, ghi rõ nội dung chi tiết (*sản xuất công nghệ môi trường, chương trình xử lý chất thải, chương trình sản xuất sạch hơn, cải thiện đa dạng sinh học v.v*), và thời gian: | | | | | | |
| A1.4 Doanh nghiệp đã từng bị cảnh báo, vi phạm hành chính trong ***lĩnh vực bảo vệ môi trường***[[18]](#footnote-20) trong 5 năm gần đây? | Không, chưa từng vi phạm  Có, ghi rõ nội dung chi tiết, và thời gian | | | | | | |
| A1.5 Doanh nghiệp đã từng bị cảnh cáo, vi phạm hành chính trong ***lĩnh vực lao động*** và trách nhiệm xã hội[[19]](#footnote-21)trong 5 năm gần đây? | Không, chưa từng vi phạm  Có, ghi rõ nội dung chi tiết, và thời gian | | | | | | |
| A2. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG | | | | | | | |
| A2.1 Loại hình dự án | Dự án đầu tư mới (chưa hoạt động)[[20]](#footnote-22) | | Dự án đầu tư mở rộng (diện tích, hiện đại hóa) | | Dự án tài trợ vốn lưu động  🡪 chuyển đến phần C.**Đề xuất** | | |
| A2.2 Hoạt động của doanh nghiệp/ dự án tài trợ có nằm trong khu vực hoặc gần với (trong bán kính 500m) những khu vực sau (có thể có nhiều lựa chọn)?[[21]](#footnote-23) | *Khu vực hoạt động của DN/ dự án* | | | | *Nằm trong:* | | *Nằm gần:* |
| Khu công nghiệp/ Khu chế xuất đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn *(ghi rõ tiêu chuẩn áp dụng và khả năng xử lý của hệ thống nước thải)* | | | |  | |  |
| Khu công nghiệp/ Khu chế xuất chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn | | | |  | |  |
| Khu thương mại | | | |  | |  |
| Khu dân cư (làng xóm/nhà ở, cửa hàng) | | | |  | |  |
| Khu vực sản xuất nông nghiệp | | | |  | |  |
| Khu sinh thái quan trọng (như rừng tự nhiên, đầm, lầy, rặng san hô) | | | |  | |  |
| Vùng nước (như đất ngập nước, hồ, sông ngòi) | | | |  | |  |
| Di sản văn hóa quan trọng (như di tích khảo cổ, địa chất, lịch sử, tôn giáo) | | | |  | |  |

|  |  |
| --- | --- |
| PHẦN B: TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI | |
| B 1. NGĂN NGỪA VÀ XỬ LÝ Ô NHIỄM *Nước thải là nguồn chất thải lớn nhất của ngành công nghiệp nhuộm, là những rủi ro tiềm ẩn đối với môi trường. Dòng nước thải từ quá trình nhuộm đặc trưng là nóng, có mầu và có thể chứa nồng độ đáng kể kim loại nặng (đồng, crôm, kẽm, coban và nickel). Nước thải của quá trình nhuộm thường có giá trị BOD và COD[[22]](#footnote-24) tương đối cao, chỉ số COD thường trên 5000 mg/l. Xử lý nước thải là cần thiết để giảm thiểu tác động tiêu cực đến chất lượng nước, rủi ro về môi trường, sức khỏe cộng đồng[[23]](#footnote-25). Trong ngành công nghiệp này, khí thải (mùi)trong quá trình nhuộmcũng có thể gây ra những tác động tiêu cực đếnmôi trường và sức khỏe con người.*  *Ngành công nghiệp nhuộm có thể cần tiêu thụ nhiều năng lượng, đặc biệt trong các công đoạn sấy và xử lý ướt. Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả của cơ sở sản xuất công nghiệp là một trong những vấn đề cần được ưu tiên, và được pháp luật Việt Nam quy định.* | |
| **B1.1 Quản lý nguồn nước, Quản lý nước thải và chất thải lỏng** | ***Mức độ sử dụng tài nguyên nước***  Lượng nước (sạch) tiêu thụ hàng tháng:  Lượng nước (ngầm) tiêu thụ hàng tháng:  Lượng nước tái sử dụng hàng tháng:  Lượng nước thải ra hàng tháng: |
| Doanh nghiệp có thực hiện ***quan trắc tự động, liên tục nước thải đầu ra*** không*[[24]](#footnote-26)*? *(Các thông số quan trắc bao gồm: lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, COD, BOD, TSS và các thông số đặc trưng theo loại hình. Hệ thống quan trắc nước thải tự động phải bao gồm thiết bị lấy mẫu tự động được niêm phong; phải lắp đặt thiết bị camera được kết nối internet để giám sát cửa xả của hệ thống xử lý nước thải và lưu giữ hình ảnh trong vòng 03 tháng gần nhất - Thông tư 31/2016/TT-BTNMT)[[25]](#footnote-27)*  Có *(cán bộ thẩm định tín dụng yêu cầu một bản sao báo cáo kết quả và báo cáo phân tích kỳ gần nhất)*  Chưa thực hiện trong giai đoạn dự án chưa đi vào hoạt động  Không, tìm hiểu rõ lý do  ***Lưu ý***: *Cán bộ thẩm định tín dụng kiểm tra báo cáo quan trắc hoặc xem xét phần đánh giá tác động chất lượng nước, so sánh với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm (QCVN 13-MT:2015/BTNMT)* |
| Trường hợp cơ sở sản xuất nằm trong Khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung, Doanh nghiệp có thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý chung của Khu công nghiệp không?  Có, Công suất và Khả năng của hệ thống xử lý chung đáp ứng được nhu cầu xả thải của cơ sở sản xuất  Không, tìm hiểu rõ lý do: |
| Doanh nghiệp có ***sử dụng những công nghệ kiểm soát tốt nhất có thể có được mà không phải chịu chi phí quá mức)*** trong bảm bảo chất lượng nước không? *(sử dụng các loại máy móc tự động để định lượng và pha chế thuốc nhuộm, nhiệt độ, và chu trình nhuộm; giảm việc tiêu thụ nước thông qua công nghệ nhuộm liên tục hoặc bán liên tục với dung tỷ thấp, tái sử dụng nước rửa cho chu trình nhuộm tiếp theo..; sử dụng thuốc nhuộm hoạt tính thân thiện với môi trường; quá trình nấu tẩy trắng kết hợp, nấu tẩy nhanh...)*  Không  Có, ghi rõ biện pháp nào sẽ được/đã được khách hàng sử dụng     *(Cán bộ tín dụng cần quan sát thực tế nơi xả thải của doanh nghiệp, ghi chú lại về màu sắc và sự khác biệt với vùng nước liền kề)* |
| B1.2 **Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả** | Doanh nghiệp có những biện pháp/ giải pháp nào để ***tiết kiệm năng lượng***[[26]](#footnote-28)*(sử dụng các công nghệ tiêu thụ ít năng lượng như nhuộm phun, thu hồi nhiệt để tái sử dụng cho nguồn nước cấp vào, thu hồi nước ngưng, bảo ôn đường ống, giặt có sử dụng chất hoạt động bề mặt..)*  Có, ghi rõ biện pháp nào sẽ được/đã được khách hàng sử dụng  Không, tìm hiểu rõ lý do |
| ***Mức độ sử dụng năng lượng:***  Điện lưới, mức tiêu thụ hàng tháng:  THAN/ TRẤU, mức tiêu thụ hàng tháng:            tấn/tấn vải nhuộm  Năng lượng tái tạo, mức tiêu thụ hàng tháng: |
| **B1.3 Quản lý phát thải khí** | Doanh nghiệp có ***sử dụng những công nghệ kiểm soát tốt nhất có thể có được mà không phải chịu chi phí quá mức*** trong quản lý phát thải khí không? *(Các chất ô nhiễm như các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) và mùi từ quá trình nấu tẩy, nhuộm, khínitơ oxit (NOx), sunfua dioxit (SO2), cacbon monoxit (CO), và bụi (PM) cũng như các chât ô nhiễm không khí khác liên quan đến hoạt động nồi hơi cần được kiểm soát chặt chẽ nhằm giảm thiểu các rò rỉ thông qua các biện pháp phát hiện rò rỉ và sửa chữa (LDAR), sử dụng các dung môi có Clo,..)*  Không  Có, ghi rõ biện pháp nào sẽ được/đã được khách hàng sử dụng |
| **B1.4 Quản lý chất thải nguy hại**[[27]](#footnote-29) | Hoạt động của doanh nghiệp tạo ra các **chất thải nguy hại** (CTNH) nào? (*theo quy định trong Danh sách C. Phụ lục 1 của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/ 2015*)[[28]](#footnote-30)  Không  Có, chất thải nguy hại  ***Nếu có****, tìm hiểu thông tin về loại và lượng chất thải nguy hại, kèm theo quy trình quản lý chất thải đã có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Cán bộ thẩm định tín dụng kiểm tra thực tế với thông tin trên Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và Báo cáo quản lý. Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc đối với các loại hóa chất độc[[29]](#footnote-31), Phiếu an toàn hóa chất cho các hóa chất nguy hiểm[[30]](#footnote-32), Khai báo hóa chất*[[31]](#footnote-33)*, lưu giữ tạm thời các CTNH theo quy định[[32]](#footnote-34)* |
| Doanh nghiệp có thực hiện chế độ ***báo cáo định kỳ về quản lý chất thải, tái sử dụng trực tiếp chất thải nguy hại****[[33]](#footnote-35)* với cơ quan có thẩm quyền không? (Báo cáo 6 tháng)  Có *(cán bộ thẩm định tín dụng yêu cầu một bản sao báo cáo kỳ gần nhất)*  Chưa thực hiện trong giai đoạn dự án chưa đi vào hoạt động  Không, tìm hiểu rõ lý do |
| **B1.5 Nguy cơ cháy nổ** | Doanh nghiệp có thực hiện kiểm tra ***PCCC*** định kỳ không?  Có, *cán bộ tín dụng yêu cầu một bản sao biên bản kiểm tra PCCC gần nhất*  Không, tìm hiểu rõ lý do |
| B2. LAO ĐỘNG VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC (KHÔNG ÁP DỤNG VỚI DỰ ÁN CHƯA ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG) | |
| *Các rủi ro chính cho người lao động trong các lĩnh vực này là các chất độc hại (đặc biệt là crôm gây viêm da tiếp xúc dị ứng), nhiệt độ cao cũng như tai nạn tiềm ẩn tại các nhà máy (đồ vật rơi xuống, vật sắc nhọn vv) gây ra thương tích từ nhẹ đến nghiêm trọng cho người lao động. Rủi ro đối với sức khỏe và đời sống của người lao động có thể được giảm nhẹ bằng cách đào tạo, cung cấp thiết bị bảo hộ, thiết kế quy trình có tính rủi ro thấp và thay thế các chất độc hại.* | |
| **B2.1 Doanh nghiệp có tuân thủ những quy định hiện hành về sử dụng lao động không?** *Nếu không, nêu rõ lý do không thực hiện* | Sử dụng lao động chưa thành niên[[34]](#footnote-36),[[35]](#footnote-37),[[36]](#footnote-38), [[37]](#footnote-39)  Có  Không, ghi chú  Hợp đồng lao động[[38]](#footnote-40)  Có  Không, ghi chú  Thời gian làm việc[[39]](#footnote-41),[[40]](#footnote-42), [[41]](#footnote-43),[[42]](#footnote-44),[[43]](#footnote-45)  Có  Không, ghi chú  Tiền lương tối thiểu[[44]](#footnote-46),[[45]](#footnote-47)  Có  Không, ghi chú  Bảo hiểm xã hội[[46]](#footnote-48),[[47]](#footnote-49)  Có  Không, ghi chú |
| **B2.2 An toàn vệ sinh lao động** | Doanh nghiệp đã thực hiện đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động[[48]](#footnote-50) vào các thời điểm nào dưới đây? (*cán bộ thẩm định tín dụng yêu cầu một bản sao kết quả đánh giá của kỳ gần nhất)*  Đánh giá lần đầu khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh  Đánh giá định kỳ trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh (ít nhất 01 lần trong một năm)  Đánh giá bổ sung khi thay đổi về nguyên vật liệu, công nghệ, tổ chức sản xuất, khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.  Không, tìm hiểu rõ lý do: |
| Doanh nghiệp bố trí cán bộ về ATVSLĐ[[49]](#footnote-51) theo quy định không? *(đủ số lượng, có chuyên môn, nghiệp vụ)*  Có  Không, tìm hiểu rõ lý do: |
| Doanh nghiệp có tổ chức huấn luyện ATVSLĐ không?  Không  Có, chi tiết: gần đây nhất DN tổ chức huấn luyện vào thời điểm nào?       Tần suất?       Số người đã đã được huấn luyện/ tổng số LĐ?       Ai là người huấn luyện? |
| Doanh nghiệp có tổ chức kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động trong cơ sở của mình[[50]](#footnote-52) và ***báo cáo định kỳ về công tác ATVSLĐ***[[51]](#footnote-53) với cơ quan có thẩm quyền không? (*cán bộ thẩm định tín dụng yêu cầu một bản sao báo cáovới Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế của kỳ gần nhất)*  Có  Không, tìm hiểu rõ lý do: |
| Ở gần bề mặt nhiệt độ cao có biển cảnh báo và công nhân được trang bị thiết bị phương tiện bảo vệ cá nhân (PPE) phù hợp?  Có  Không, tìm hiểu rõ lý do  *Nếu có, công nhân có sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân không*[[52]](#footnote-54)*? (lưu ý các khu vực nồi hơi, nấu tẩy công nhân phải mang ủng, găng tay, mũ, khẩu trang phù hợp, quan sát nơi để mặt nạ phòng độc khi có xự cố xảy ra..)*  Có  Không, tìm hiểu rõ lý do |
| Trong 12 tháng gần đây, có ***tai nạn lao động*** nào xảy ra ở doanh nghiệp không[[53]](#footnote-55)?  Không  Có, tìm hiểu chi tiết (số vụ, tình hình thương vong) |
| **B2.3 Bộ phận y tế cơ sở** | Doanh nghiệp có bố trí cán bộ y tế đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật không[[54]](#footnote-56)?  Có  Không, tìm hiểu rõ lý do: |
| Doanh nghiệp có tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động không?  Không  Có, chi tiết: gần đây nhất DN tổ chức kiểm tra sức khỏe là vào thời gian nào?       Tần suất?       Số người đã đã được kiểm tra sức khỏe/ tổng số LĐ? |
| B3. SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CỘNG ĐỒNG | |
| *Tác động đặc trưng của ngành nhuộm là lượng nước thải lớn gồm rất nhiều loại hóa chất ô nhiễm và mùi từ quá trình nhuộm và các quy trình hoàn thiện khác bằng dầu, hơi dung môi và formaldehyde. Những chất này cần được kiểm soát thích đáng (như đánh giá trong phần B1) nhằm tránh trở thành mối lo cho cộng đồng.*  *Ngoài ra cần cân nhắc việc sử dụng các hóa chất và nguy cơ tiềm ẩn của chúng đối với sức khỏe người tiêu dùng, nên tránh sử dụng thuốc nhuộm gây dị ứng và thuốc nhuộm từ các hợp chất gây ung thư.*  *Tuân thủ tiêu chuẩn về khoảng cách bảo vệ vệ sinh[[55]](#footnote-57) cho các cơ sở sản xuất nằm đơn lẻ ngoài khu chế xuất hoặc khu công nghiệp, có phát thải các yếu tố độc hại đối với môi trường và sức khỏe con người là yêu cầu bắt buộc theo quy định của pháp luật.* | |
| **B3.1. Khoảng cách an toàn (Khoảng cách bảo vệ vệ sinh)** | Doanh nghiệp sẽ/ có bảo đảm khoảng cách an toàn đối với khu dân cư, công trình công cộng, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu bảo tồn đa dạng sinh học, nguồn nước sinh hoạt không?*[[56]](#footnote-58)*  Có, tìm hiểu chi tiết        Không, lý do |
| Cơ sở sản xuất có gần với khu vực có nguy cơ cháy nổ *(kho xăng dầu,…)* ?  Không Có, tìm hiểu chi tiết |
| **B3.2 Các biện pháp phòng ngừa** | Doanh nghiệp sẽ/có kế hoạch áp dụng bất kỳ một biện pháp phòng ngừa nào để giảm thiểu các yếu tố có hại trong sản xuất đối với cộng đồng lân cận không?  Có, ghi rõ biện pháp nào đã/ sẽ được doanh nghiệp sử dụng  Không, tìm hiểu rõ lý do |
| **B3.3 Cơ chế / Đầu mối tiếp nhận thông tin** | Doanh nghiệp có chỉ định một đầu mối/ cán bộ chuyên trách là người của doanh nghiệp chịu trách nhiệm tiếp nhận và đáp thắc mắc hoặc khiếu nại của người dân trong cộng đồng lân cận hoặc các bên liên quan khác không?  Có, cán bộ tín dụng ghi rõ danh sách (tên, chức vụ, thông tin liên lạc của (các) cán bộ này  Chưa chỉ định trong giai đoạn dự án chưa đi vào hoạt động  Không, tìm hiểu lý do: |
| **B3.4 Khiếu nại** | Trong 12 tháng gần đây, có khiếu nại nào của cộng đồng lân cận về những ảnh hưởng tiêu cực do hoạt động SXKD của Doanh nghiệp có gây ra với cộng đồng lân cận không[[57]](#footnote-59)?  Không  Có, tìm hiểu chi tiết |
| B4. ĐA DẠNG SINH HỌC, TÁI ĐỊNH CƯ, NGƯỜI THIỂU SỐ BẢN ĐỊA VÀ DI SẢN VĂN HÓA | |
| *Các hoạt động tẩy nhuộm gây ảnh hưởng lớn nhất tới hệ sinh thái do các vấn đề liên quan đến nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Nếu hoạt động với năng suất lớn mà không có kế hoạch xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn thì có thể ảnh hưởng tới hệ sinh thái, điển hình là hiện tượng sinh vật dưới nước chết hàng loạt, ao hồ ô nhiễm nặng nề…*  *Mặt khác, hoạt động của dự án có thể đe dọa các khu tiền sử, di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và tôn giáo gần đó hoặc kế sinh nhai của các hộ gia đình xung quanh dự án.* | |
| **B4.1 Đa dạng sinh học** | Khu vực nhiệt độ cao do dòng nhiệt thải từ dự án không làm suy hại tình trạng nguyên vẹn của nguồn nước nói chung hoặc các khu vực nhạy cảm (như các khu giải trí, khu nuôi trồng hoặc khu sinh thái nhạy cảm)?  Không  Có, cung cấp thông tin chi tiết về loại và khu vực môi trường sống bị ảnh hưởngvà các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro đã được áp dụng: |
| **B4.2 Hệ sinh thái** | Khu vực nhiệt độ cao của dự án không làm chết hoặc gây tác động đáng kể đến tập tính sinh sản và nuôi dưỡng của sinh vật?  Không  Có, cung cấp thông tin chi tiết về loại và khu vực môi trường sống bị ảnh hưởngvà các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro đã được áp dụng: |
| **B4.3 Hoạt động kinh tế địa phương** | Hoạt động của doanh nghiệp sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế của người dân xung quanh (thay đổi cách làm nông, thay đổi quy mô lớn về chất lượng và số lượng đất/ không khí và nước) không?[[58]](#footnote-60)  Không  Có, cách thức giảm thiểu rủi ro mà doanh nghiệp đang áp dụng:*(có thể là các hoạt động đào tạo nghề, tuyên truyền nâng cao nhận thức, tuyển dụng lao động địa phương…)* |
| **B4.4 Người thiểu số dân bản địa** | Người thiểu số dân bản địa[[59]](#footnote-61) sẽ/có bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi dự án (vì tái định cư, sử dụng đất, sử dụng lao động và tương tự) không?  Không  Có, những địa phương nào bị ảnh hưởng và biện pháp giảm thiểu rủi ro: |
| **B4.5 Di sản văn hóa** | Hoạt động của doanh nghiệp sẽ/có tác động đến các di sản văn hóa có ý nghĩa lịch sử, khảo cổ, tôn giáo không?  Không  Có, di sản văn hóa nào bị ảnh hưởng và các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro đã được áp dụng: |

|  |
| --- |
| C. ĐỀ XUẤT |
| Không có rủi ro về môi trường và xã hội |
| Dự án có rủi ro về môi trường và xã hội, và đã có biện pháp quản lý rủi ro môi trường và xã hội |
| Dự án có rủi ro về môi trường và xã hội và doanh nghiệp chưa thực hiện các biện pháp cải thiện quản lý rủi ro môi trường và xã hội. Khuyến nghị các biện pháp phòng ngừa khuyến nghị và các điều khoản cần đưa vào hợp đồng tín dụng và tại các thời điểm giải ngân: |

PHỤ LỤC 1: CÁC QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM

Những Luật sau đây của Việt Nam được áp dụng khi đánh giá các rủi ro tiềm ẩn đối với các khoản đầu tư vào ngành dệt nhuộm:

1. Luật Bảo vệ môi trường
2. Luật Hóa chất
3. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá
4. Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
5. Luật Tài nguyên nước
6. Luật Lao động
7. Luật Bảo hiểm xã hội
8. Luật An toàn, vệ sinh lao động
9. Các quy chuẩn Việt Nam (QCVN) về môi trường:

* QCVN về chất lượng không khí xung quanh
* QCVN về một số chất độc hại trong không khí xung quanh
* QCVN về ngưỡng chất thải nguy hiểm
* QCVN về Nước thải công nghiệp dệt nhuộm

1. Các quy chuẩn Việt Nam về an toàn lao động

* QCVN về những thiết bị bảo vệ đường hô hấp – Bộ lọc bụi
* QCVN về an toàn cháy cho nhà và công trình
* Tiêu chuẩn vệ sinh lao động, và thông số vệ sinh lao động

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN VỀ MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN

Hướng dẫn về môi trường, sức khỏe và an toàn (EHS) của Nhóm Ngân hàng thế giới là các tài liệu tham khảo kỹ thuật với các ví dụ chung và của các ngành công nghiệp đặc thù về thực hành công nghiệp quốc tế tốt (GIIP)[[60]](#footnote-62). Các **hướng dẫn EHS chung** được thiết kế để đồng sử dụng với **Hướng dẫn EHS cho các ngành công nghiệp** liên quan, cung cấp cho người sử dụng hướng dẫn về các vấn đề EHS ở các ngành công nghiệp đặc thù. Đối với dự án phức hợp, có thể cần sử dụng các hướng dẫn cho khu vực công nghiệp đa ngành. Hướng dẫn EHS cho từng ngành công nghiệp nêu lên những vấn đề về môi trường và xã hội chính có thể xảy ra đối với ngành đó và cung cấp mức tính năng và các biện pháp nói chung được coi là có thể đạt được trong các cơ sở sản xuất mới bằng công nghệ hiện có với chi phí phù hợp.

Đối với các dự án trong ngành hóa chất, xin tham khảo thêm hướng dẫn cho các ngành công nghiệp sau:

* Hướng dẫn EHS cho NGÀNH DỆT MAY

Bản tiếng Anh:

<http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/2a66470048865981b96efb6a6515bb18/Final%2B-%2BTextiles%2BManufacturing.pdf?MOD=AJPERES&id=1323162617789>

Bản tiếng Việt:

1. Các dự án bắt buộc phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 phụ lục 2: Dự án xây dựng cơ sở nhuộm, dệt có nhuộm; Dự án giặt là công nghiệp có công suất từ 50.000 sản phẩm/năm trở lên. [↑](#footnote-ref-3)
2. Điều 21, Nghị định 201/2013/NĐ-CP: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước có thời hạn tối đa là mười (10) năm, tối thiểu là ba (03) năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn tối thiểu là hai (02) năm, tối đa là năm (05) năm [↑](#footnote-ref-4)
3. Dự án có các hoạt động xả thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 10 m3/ngày đêm trở lên [↑](#footnote-ref-5)
4. Bắt buộc đối với Phân xưởng dệt và may mặc, Xí nghiệp chế biến sơ bộ sợi bông, gai đay và những chất sợi khác thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính có khối tính từ 1.000m3 trở lên. Điều 15, và Phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP về PCCC. QCVN06 : 2010/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình [↑](#footnote-ref-6)
5. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường (Điều 6, Nghị định 38/2015/NĐ-CP về việc quản lý chất thải và phế liệu) [↑](#footnote-ref-7)
6. Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án hoặc Giấy xác nhận việc đã thực hiện một trong các hạng mục công trình của dự án đã được đầu tư trong trường hợp dự án được phân kỳ đầu tư theo nhiều giai đoạn trước khi đưa dự án, công trình vào vận hành chính thức. Các dự án phải báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường (phụ lục Nghị định số 18/2015/NĐ-CP):Dự án xây dựng cơ sở nhuộm, dệt có nhuộm; Các dự án có công đoạn giặt tẩy; Dự án giặt là công nghiệp; Dự án sản xuất sợi tơ tằm và sợi nhân tạo. [↑](#footnote-ref-8)
7. Những cơ sở đã có giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 còn hiệu lực do tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật cấp không phải thực hiện xác nhận hệ thống quản lý môi trường [↑](#footnote-ref-9)
8. Bắt buộc đối với Phân xưởng dệt và may mặc, Xí nghiệp chế biến sơ bộ sợi bông, gai đay và những chất sợi khác thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính có khối tính từ 1.000m3 trở lên. Điều 7, và Phụ lục II Nghị định 79/2014/NĐ-CP về PCCC. QCVN06 : 2010/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình [↑](#footnote-ref-10)
9. Bắt buộc đối với Phân xưởng dệt và may mặc, Xí nghiệp chế biến sơ bộ sợi bông, gai đay và những chất sợi khác thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính có khối tính từ 1.000m3 trở lên. Điều 3 Thông tư liên tịch 214/2013/TTLT-BTC-BCA về Bảo hiểm cháy nổ . QCVN06 : 2010/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình [↑](#footnote-ref-11)
10. Tổ chức chứng nhận được thừa nhận là những tổ chức đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật, và được cấp phép, hoặc những tổ chức chứng nhận được quốc tế thừa nhận [↑](#footnote-ref-12)
11. Giấy chứng nhận tiêu chuẩn không bắt buộc, nhưng được khuyến khích. Cán bộ tín dụng yêu cầu doanh nghiệp cung cấp một bản sao của giấy chứng nhận còn hiệu lực, nếu có. [↑](#footnote-ref-13)
12. Áp dụng cho toàn bộ doanh nghiệp/ tổ chức [↑](#footnote-ref-14)
13. Áp dụng cho toàn bộ doanh nghiệp/ tổ chức [↑](#footnote-ref-15)
14. Chỉ áp dụng cho từng dây truyền sản xuất kinh doanh cụ thể. Khi có dự án mới (xây dựng nhà máy mới, dây truyền sản xuất mới) cần phải được đánh giá và chứng nhận mới [↑](#footnote-ref-16)
15. Áp dụng cho toàn bộ doanh nghiệp [↑](#footnote-ref-17)
16. Chỉ áp dụng cho từng khu vực sản xuất kinh doanh cụ thể, khi có dự án mới (xây dựng nhà máy mới, dây truyền sản xuất mới) cần phải được đánh giá và chứng nhận mới [↑](#footnote-ref-18)
17. Chỉ áp dụng cho từng khu vực sản xuất kinh doanh cụ thể, khi có dự án mới (xây dựng nhà máy mới, dây truyền sản xuất mới) cần phải được đánh giá và chứng nhận mới [↑](#footnote-ref-19)
18. Theo Nghị định 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường [↑](#footnote-ref-20)
19. Theo Nghị định 88/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 95; và Nghị định 95/2013/NĐ-CP ngày 22/08/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng [↑](#footnote-ref-21)
20. Đối với các dự án đầu tư mới, chưa được đưa vào vận hành, các đánh giá tiếp theo ở phần B này được thực hiện trên nguyên tắc đánh giá những kế hoạch của doanh nghiệp trong việc quản lý các vấn đề liên quan. Đối với các dự án này, cán bộ tín dụng cần ghi chép lại trong báo cáo đánh giá kế hoạch kiểm tra việc thực hiện những cam kết của Doanh nghiệp trong Đánh giá tác động môi trường khi dự án được đưa vào vận hành. Biện pháp tốt nhất là đưa thành một điều kiện giải ngân. [↑](#footnote-ref-22)
21. Khu vực nhạy cảm môi trường bao gồm khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu di tích lịch sử văn hóa, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển và khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng. Các cơ sở sản xuấtcơ sở sản xuất nằm đơn lẻ ngoài khu chế xuất hoặc khu công nghiệp cần phải được xem xét đặc biệt để hạn chế các tác động xấu đến môi trường, cảnh quan và sức khỏe con người. [↑](#footnote-ref-23)
22. BOD(Biochemical oxygen Demand- nhu cầu oxy sinh hoá) là lượng oxy cần thiết để vi sinh vật oxy hoá các chất hữu cơ). COD (Chemical Oxygen Demand - nhu cầu oxy hóa học) là lượng oxy cần thiết để oxy hoá các hợp chất hoá học trong nước bao gồm cả vô cơ và hữu cơ.Theo QCVN 13-MT:2015/BTNMT về nước thải công nghiệp dệt nhuộm,nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt phải đảm bảochỉ số BOD5 ở 200C ≤ 30mg/l và COD ≤ 75-100mg/l. [↑](#footnote-ref-24)
23. Tham khảo QCVN 13-MT:2015/BTNMT về giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải [↑](#footnote-ref-25)
24. Khoản 2, Điều18, Thông tư 31/2016/TT-BTNMT: 2. Cơ sở có lưu lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày.đêm trở lên, ngoài việc thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này, phải thực hiện thêm các nội dung sau:a) Giám sát, quan trắc tự động, liên tục nước thải đầu ra theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 26 Thông tư này;b) Có công tơ điện tử đo điện độc lập của hệ thống xử lý nước thải, lượng điện tiêu thụ phải được ghi vào nhật ký vận hành;c) Có phương án, hạ tầng, phương tiện, thiết bị để ứng phó, khắc phục sự cố trong trường hợp hệ thống thu gom, xử lý nước thải gặp sự cố;d) Có điểm kiểm tra, giám sát xả nước thải vào hệ thống tiêu thoát nước đặt ngoài hàng rào, có lối đi thuận lợi và có biển báo. [↑](#footnote-ref-26)
25. Điều 26, Thông tư 31/2016/TT-BTNMT: Các thông số quan trắc bao gồm: lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, COD, TSS và các thông số đặc trưng theo loại hình (trong trường hợp có công nghệ, thiết bị quan trắc tự động phù hợp trên thị trường) theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết;Hệ thống quan trắc nước thải tự động phải bao gồm thiết bị lấy mẫu tự động được niêm phong và quản lý bởi Sở Tài nguyên và Môi trường; phải lắp đặt thiết bị camera được kết nối internet để giám sát cửa xả của hệ thống xử lý nước thải và lưu giữ hình ảnh trong vòng 03 tháng gần nhất. Hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục phải hoạt động ổn định, được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định và phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật kết nối để truyền dữ liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường. [↑](#footnote-ref-27)
26. Tham khảo thêm Thông tư 02/2014/TT-BCT Quy định các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các ngành công nghiệp [↑](#footnote-ref-28)
27. Các chất thải nguy hại từ ngành dệt nhuộmcó thể theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, bao gồm: Chất thải từ quá trình hồ vải có dung môi hữu cơ; Phẩm màu và chất nhuộm thải có các thành phần nguy hại; Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải; Dung dịch thải có các thành phần nguy hại từ quá trình nhuộm; [↑](#footnote-ref-29)
28. Cán bộ tín dụng nghiên cứu Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án/ kế hoạch bảo vệ môi trường để xác định các thông tin này. [↑](#footnote-ref-30)
29. Hóa chất độc bao gồm các hóa chất được quy định tại khoản 5 Điều 4 của Luật hóa chất.Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc theo quy định tại Điều 23 của Luật hóa chất [↑](#footnote-ref-31)
30. Bắt buộc đối với các loại hóa chất nguy hiểm quy định tại Chương IVNghị định số 113/2017/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-32)
31. Bắt buộc đối với các loại Khí thiên nhiên, Propan, Butan, Etylen, propylen, butylen và butadiene, Chương IVNghị định số 113/2017/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-33)
32. Bắt buộc theo điều 7, 8 Nghị định 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu [↑](#footnote-ref-34)
33. Bắt buộc theo điều 7, Nghị định 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu [↑](#footnote-ref-35)
34. Ngành nhuộm không được sử dụng lao động dưới 15 tuổi, Thông tư 11/2013/TT-BLĐTBXH ngày 11/6/2013 [↑](#footnote-ref-36)
35. Cán bộ tín dụng yêu cầu bản sao sổ theo dõi sử lao động chưa thành niên. Theo điều 162 Luật lao động, khi sử dụng người lao động chưa thành niên, người sử dụng lao động phải lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, công việc đang làm, kết quả những lần kiểm tra sức khoẻ định kỳ và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. [↑](#footnote-ref-37)
36. Cấm làm các công việc theo quy định tại Thông tư 10/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2013. [↑](#footnote-ref-38)
37. Điều 163 Luật lao động Lao động chưa thành niên không được làm quá 40 giờ/ tuần. Lao động chưa thành niênđược làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề và công việc. [↑](#footnote-ref-39)
38. Điều 16. Luật Lao động: Hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản và được làm thành 02 bản, người lao động giữ 01 bản, người sử dụng lao động giữ 01 bản. Đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới 03 tháng, các bên có thể giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói. [↑](#footnote-ref-40)
39. Điều 104 Luật Lao động: Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần. Người sử dụng lao động có quyền quy định làm việc theo giờ hoặc ngày hoặc tuần; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày, nhưng không quá 48 giờ trong 01 tuần . Nhà nước khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện tuần làm việc 40 giờ. Thời giờ làm việc không quá 06 giờ trong 01 ngày đối với những người làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. [↑](#footnote-ref-41)
40. Điều 4 Nghị định 45/2013/NĐ-CP: Số giờ làm thêm trong ngày được quy định như sau:a) Không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; khi áp dụng quy định làm việc theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày;b) Không quá 12 giờ trong 01 ngày khi làm thêm vào ngày nghỉ lễ, tết và ngày nghỉ hằng tuần. [↑](#footnote-ref-42)
41. Điều 106 Luật Lao động. Làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường được quy định trong pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc theo nội quy lao động. Điều 4 Nghị định 45/2013/NĐ-CP: các doanh nghiệp/ tổ chức hoạt động trong ngành nông nghiệp không thuộc diện được tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm. Khi tổ chức làm thêm giờ, người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý nhà nước về lao động tại địa phương. [↑](#footnote-ref-43)
42. Cán bộ thẩm định tín dụng có thể xem bảng lương và/ hoặc phỏng vấn người lao động để xác minh thông tin. [↑](#footnote-ref-44)
43. Điều 105 Luật Lao động: Giờ làm việc ban đêm được tính từ 22 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau. [↑](#footnote-ref-45)
44. Điều 90. Luật Lao động: Tiền lương là khoản tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động để thực hiện công việc theo thỏa thuận.Tiền lương bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.Mức lương của người lao động không được thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định.2. Tiền lương trả cho người lao động căn cứ vào năng suất lao động và chất lượng công việc.3. Người sử dụng lao động phải bảo đảm trả lương bình đẳng, không phân biệt giới tính đối với người lao động làm công việc có giá trị như nhau [↑](#footnote-ref-46)
45. Mức lương tối thiểu năm 2017 được quy định tại Nghị định 153/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Cán bộ tín dụng cần cập nhật các hướng dẫn của chính phủ về mức lương tối thiểu hàng năm [↑](#footnote-ref-47)
46. Điều 21. Luật bảo hiểm xã hội: Trách nhiệm của người sử dụng lao động: 1. Lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ bảo hiểm xã hội, đóng, hưởng bảo hiểm xã hội. 2. Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. [↑](#footnote-ref-48)
47. Cán bộ tín dụng xác minh xem Doanh nghiệp có thuộc danh sách chậm nợ hay trốn đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động không. [↑](#footnote-ref-49)
48. Điều 3Thông tư07/2016/TT-BLĐTBXH. Tổ chức đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động: 2. Việc đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động thực hiện vào các thời điểm sau đây:a) Đánh giá lần đầu khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh;b) Đánh giá định kỳ trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh ít nhất 01 lần trong một năm, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Thời điểm đánh giá định kỳ do người sử dụng lao động quyết định;c) Đánh giá bổ sung khi thay đổi về nguyên vật liệu, công nghệ, tổ chức sản xuất, khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng. [↑](#footnote-ref-50)
49. Điều 75, Luật An toàn, vệ sinh lao động 84/2015/QH13, Khoản 1 Điều 36, Nghị định 39/2016/NĐ-CP: Tổ chức bộ phận an toàn, vệ sinh lao động: Việc tổ chức bộ phận an toàn, vệ sinh lao động theo Khoản 1 Điều 72 Luật An toàn, vệ sinh lao động được quy định như sau:c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 300 đến dưới 1.000 người lao động, phải bố trí ít nhất 02 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách;d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng sử dụng trên 1.000 người lao động phải thành lập phòng an toàn, vệ sinh lao động hoặc bố trí ít nhất 03 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách. [↑](#footnote-ref-51)
50. Điều 9 Thông tư07/2016/TT-BLĐTBXH: Người sử dụng lao động phải tổ chức kiểm tra toàn diện ít nhất 01 lần trong 06 tháng ở cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh và 01 lần trong 03 tháng ở cấp phân xưởng, tổ, đội sản xuất hoặc tương đương. [↑](#footnote-ref-52)
51. Điều 10 Thông tư07/2016/TT-BLĐTBXH: Thống kê, báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động: 1. Người sử dụng lao động phải mở sổ thống kê các nội dung cần phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động. Các số liệu thống kê phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật, làm căn cứ theo dõi, phân tích, đưa ra các chính sách, giải pháp đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động.2. Người sử dụng lao động phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động định kỳ hằng năm với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế (trực tiếp hoặc bằng fax, bưu điện, thư điện tử) theo mẫu được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo phải gửi trước ngày 10 tháng 01 của năm sau.g. [↑](#footnote-ref-53)
52. Cán bộ thẩm tra tín dụng quan sát và hỏi người lao động trong quá trình thẩm tra thực tế [↑](#footnote-ref-54)
53. Cán bộ thẩm định tính dụng có thể yêu cầu một bản sao Báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn Lao động của doanh nghiệp; Cán bộ thẩm định tín dụng cũng có thể hỏi thêm người lao động tại doanh nghiệp trong khi thẩm tra thực tế. [↑](#footnote-ref-55)
54. Điều 73, Luật An toàn, vệ sinh lao động 84/2015/QH13, Khoản 1 Điều 37, Nghị định 39/2016/NĐ-CP: Tổ chức bộ phận y tế: Việc tổ chức bộ phận y tế quy định tại Khoản 1 Điều 73 Luật An toàn, vệ sinh lao động được quy định như sau:a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng dưới 300 người lao động phải có ít nhất 01 người làm công tác y tế có trình độ trung cấp;b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 300 đến dưới 500 người lao động phải có ít nhất 01 bác sĩ/y sĩ và 01 người làm công tác y tế có trình độ trung cấp;c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 500 đến dưới 1.000 người lao động phải có ít nhất 01 bác sĩ và mỗi ca làm việc phải có 01 người làm công tác y tế có trình độ trung cấp;d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 1.000 lao động trở lên phải thành lập cơ sở y tế theo hình thức tổ chức phù hợp quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh. [↑](#footnote-ref-56)
55. Là khoảng cách tối thiểu được tính mốc từ nguồn phát thải trong nhà, xưởng sản xuất hoặc dây chuyền công nghệ tới khu dân cư. [↑](#footnote-ref-57)
56. Tiêu chuẩn khoảng cách bảo vệ vệ sinh, Quyết định 3733/2002/QĐ – BYTVề việc ban hành 21 Tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động. [↑](#footnote-ref-58)
57. Cán bộ tín dụng có thể hỏi thêm người dân sống ở khu vực xung quanh để xác minh thêm thông tin. Các vấn đề có thể bị khiếu nai hoặc kiểm tra với người dân là nguồn nước, khí thải, rác thải, tiếng ồn … [↑](#footnote-ref-59)
58. Cán bộ thẩm định tín dụng có thể hỏi thêm người dân sống ở khu vực xung quanh để xác minh thêm thông tin. [↑](#footnote-ref-60)
59. Người thiểu số bản địa là nhóm xã hội có đặc điểm, lối sống, văn hóa và lịch sử đặc trưng và khác với các nhóm xã hội phổ biến khác. [↑](#footnote-ref-61)
60. Được định nghĩa là phần thực hành kỹ năng chuyên nghiệp, chăm chỉ, thận trọng và dự báo trước từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lành nghề tham gia vào cùng một loại hình và thực hiện dưới cùng một hoàn cảnh trên toàn cầu. Các hoàn cảnh mà các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lão luyện có thể thấy khi đánh giá biên độ của việc phòng ngừa ô nhiễm và các kỹ thuật kiểm soát sẵn có cho dự án có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, các cấp độ đa dạng về thoái hoá môi trường và năng lực đồng hoá môi trường cũng như các cấp độ về mức khả thi tài chính và kỹ thuật. [↑](#footnote-ref-62)